

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
LIÊN THÔNG TỬ CAO ĐẲNG**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình:

Tiếng Việt: **Tài chính – Ngân hàng**

Tiếng Anh: Finance - Banking

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Hình thức đào tạo: Chính quy/Vừa làm vừa học

4. Tổng khối lượng kiến thức: 61 tín chỉ

5. Thời gian đào tạo: 1,5 năm

6. Khoa/viện đào tạo: Khoa Kế toán – Tài chính

7. Quyết định ban hành: /QĐ-ĐHNT, ngày tháng năm 2017

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ BỔ SUNG KIẾN THỨC

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, trái ngành

TT.	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Thâm niên công tác (năm)
1	Ngành đúng/phù hợp	Không	Không
	1. Kế toán		
	2. Tài chính		
	3. Ngân hàng		
2	Ngành gần		
	1 Quản trị kinh doanh	Toán tài chính	Không
	2. Quản trị kinh doanh lẻ hàng		
	3. Kinh tế thương mại		
	4. Kinh tế nông nghiệp		
3	Ngành khác/trái ngành		
	Các ngành không được liệt kê ở ngành đúng và ngành gần.	Tất cả các học phần bổ sung kiến thức	Không

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

TT.	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú
1	ECS339	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	
2	FIB341	Tài chính tiền tệ	3	
3	FIB339	Toán tài chính	2	
4	ACC325	Nguyên lý kế toán	3	
	Tổng		10	

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
A.1.	Các học phần bắt buộc		
A.2.	Các học phần tự chọn		
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
I.	Kiến thức cơ sở ngành		
I.1.	Các học phần bắt buộc		11
1	FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3
2	ACC345	Kế toán tài chính	4
3	FIB348	Bảo hiểm	2
4	FIB354	Tài chính công	2
I.2.	Các học phần tự chọn		3
5	BUA336	Luật kinh doanh	3
6	ECS335	Marketing căn bản	3
7	AUD349	Kế toán quản trị	3
II.	Kiến thức ngành		
II.1.	Các học phần bắt buộc		39
8	FIB358	Thị trường chứng khoán	3
9	FIB323	Quản trị tài chính 1	3
10	FIB351	Quản trị tài chính 2	3
11	FIB352	Tài chính quốc tế	3
12	FIB337	Thuế	3
13	FIB345	Ngân hàng thương mại	3
14	FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3
15	FIB360	Lập, thẩm định dự án đầu tư	3
16	FIB357	Đầu tư tài chính	3
17	FIB362	Thanh toán quốc tế	3
18	FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3
19	ACC331	Kế toán ngân hàng	2
20	FIB369	Thẩm định tín dụng	2
21	FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2
II.2.	Các học phần tự chọn		3
22	FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3
23	BUA364	Quản trị chiến lược	3
24	FIB371	Kiểm soát nội bộ	3
III.	Tốt nghiệp		

	FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp	5
	Tổng số tín chỉ:		55
	Tổng số tín chỉ bắt buộc:		6
	Tổng số tín chỉ tự chọn:		61

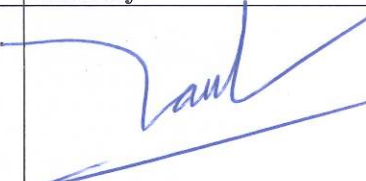
IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO HỌC KỲ

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ
I	Các học phần bắt buộc		20
	ACC345	Kế toán tài chính	4
	FIB354	Tài chính công	2
	FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3
	FIB345	Ngân hàng thương mại	3
	FIB337	Thuế	3
	FIB348	Bảo hiểm	2
	FIB323	Quản trị tài chính 1	3
	Các học phần tự chọn		3
	BUA336	Luật kinh doanh	3
	ECS335	Marketing căn bản	3
	AUD349	Kế toán quản trị	3
II	Các học phần bắt buộc		19
	FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3
	FIB358	Thị trường chứng khoán	3
	ACC331	Kế toán ngân hàng	2
	FIB351	Quản trị tài chính 2	3
	FIB362	Thanh toán quốc tế	3
	FIB360	Lập, thẩm định dự án đầu tư	3
	FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2
	Các học phần tự chọn		3
	FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3
	BUA364	Quản trị chiến lược	3
	FIB371	Kiểm soát nội bộ	3
III	Các học phần bắt buộc		16
	FIB357	Đầu tư tài chính	3
	FIB352	Tài chính quốc tế	3
	FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3
	FIB369	Thẩm định tín dụng	2
	FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp	5
	Các học phần tự chọn		

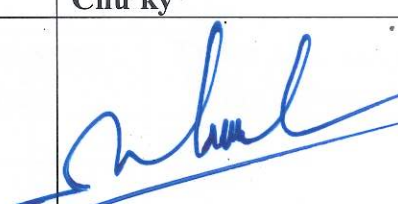
Thư ký Tổ cập nhật

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Chu Thị Lê Dung	Thạc sỹ	

Tổ trưởng Tổ cập nhật

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Võ Văn Cần	Tiến sỹ	

Trưởng phòng Đào tạo

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Trần Doãn Hùng		

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Người duyệt Chương trình

Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
Trang Thị Trung	Hiệu Trưởng	



Ngày duyệt: / /2017.